TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Thành Biên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 09 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 124/2016/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2016 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 994/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hà Thu T, sinh năm 1993; địa chỉ: 333 gác 3, phố K, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn A; sinh năm 1974; cư trú tại: 5-1-1 R 59350 S, Cộng hòa Pháp.

Chị T có mặt, anh Nguyễn A vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hà Thu T và anh Nguyễn A trình bày: Chị T và anh Nguyễn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì anh Nguyễn A quay về Pháp để làm thủ tục bảo lãnh cho chị T nhưng không đủ điều kiện bảo lãnh. Cuộc sống vợ chồng xa cách dẫn tới tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu, anh chị có nhiều mâu thuẫn nhưng không thể giải quyết. Đến nay đã được 03 năm anh chị sống ly thân. Nay xác định tình cảm không còn nên chị T đề nghị xin ly hôn với anh Nguyễn A.Quan điểm của anh Nguyễn A đồng ý ly hôn bởi vì vợ chồng không có cuộc sống chung đúng nghĩa. Do điều kiện anh không thể về Việt Nam nên anh đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có con chung và tài sản chung nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện: Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và chồng là anh Nguyễn A hiện không tồn tại, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau do anh Nguyễn A về Pháp từ năm 2013 (sau lễ cưới) và không thể làm thủ tục cho chị T sang Pháp. Quan hệ hôn nhân như vậy là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn A hiện đang cư trú ở Cộng hoà Pháp. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về kết quả uỷ thác tư pháp: Việc ủy thác tư pháp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn A Tòa án đã thực hiện đúng theo khoản 2 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn A đã gửi bản khai cho Toà án và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn A theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Hà Thu T và anh Nguyễn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 11 năm 2013, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Chị T và anh Nguyễn A chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì thủ tục bảo lãnh cho chị T để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được chấp nhận. Hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy anh Nguyễn A và chị T không có cuộc sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận xử cho chị T và anh Nguyễn A dược ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị T và anh Nguyễn A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 44, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hà Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hà Thu T được ly hôn anh Nguyễn A.

2. Về con chung: Chị T và anh Nguyễn A không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Nguyễn A không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp:

Chị Nguyễn Thị Hà Thu T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng lệ phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0003676 ngày 17 tháng 10 năm 2016 và 150.000đồng tạm ứng lệ phí uỷ thác tư pháp theo biên lai số 0003677 ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Hà Thu T đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Hà Thu T có nghĩa vụ nộp lệ phí ủy thác tư pháp để tống đạt bản án cho anh Nguyễn A.

5.Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Nguyễn Thị Hà Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thuỷ